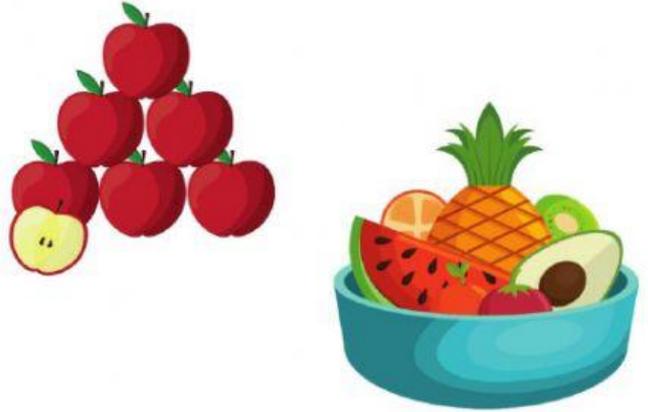


COUNT/NONCOUNT NOUNS AND ARTICLES

Exercise 15. Warm-up. (Chart 11-5)

Complete the sentences with *apples* or *fruit*. Hoàn thành các câu sau với *apples* hoặc *fruit*.

1. I bought several _____ yesterday.
2. Do you eat a lot of _____?
3. Do you eat many _____?
4. Do you eat much _____?
5. I eat a few _____ every week.
6. I eat a little _____ for breakfast.



11-5 Using *Several, A Lot Of, Many/ Much, and A Few/ A Little* (Dùng *Several, A Lot Of, Many/ Much, và A Few/ A Little*)

Count (Đếm được)	Noncount (Không đếm được)	
(a) <i>several</i> chairs	∅	<i>Several</i> is used only with count nouns. <i>Several</i> được dùng với danh từ đếm được.
(b) <i>a lot of</i> chairs	<i>a lot of</i> furniture	<i>A lot of</i> is used with both count and noncount nouns. <i>A lot of</i> được dùng với danh từ đếm được và không đếm được.
(c) <i>many</i> chairs	<i>much</i> furniture	<i>Many</i> is used with count nouns. <i>Much</i> is used with noncount nouns. <i>Many</i> được dùng với danh từ đếm được. <i>Much</i> được dùng với danh từ không đếm được.
(d) <i>a few</i> chairs	<i>a little</i> furniture	<i>A few</i> is used with count nouns. <i>A little</i> is used with noncount nouns. <i>A few</i> được dùng với danh từ đếm được. <i>A little</i> được dùng với danh từ không đếm được.

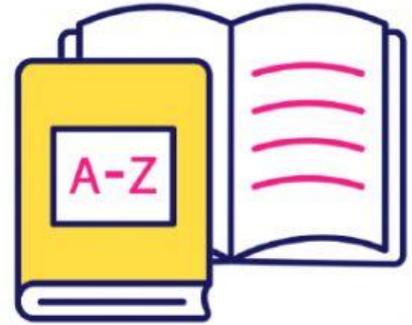
Exercise 16. Looking at grammar. (Charts 11-2 and 11-5)

Check (✓) the correct sentences. Correct the sentences that have mistakes. One sentence has a spelling error. Đánh dấu (✓) vào những câu đúng. Sửa lại những câu có lỗi sai. Có một câu viết chính tả sai.

some/∅

1. Jakob learned ~~several~~ new vocabulary.

2. He learned several new words.
3. Takashi learned a lot of new words.
4. Sonia learned a lot of new vocabulary too.
5. Lydia doesn't like learning too much new vocabulary in one day.
6. She can't remember too much new words.
7. Mr. Lee assigned a few vocabulary to his class.
8. He assigned a few new words.
9. He explained several new vocabulary.
10. There is a lot of new word at this level.
11. There are a lot of new vocabulary at this level.



Exercise 17. Looking at grammar: pairwork. (Charts 11-1 -> 11-5)

Complete the questions with *how many* or *how much*. Make nouns plural as necessary.

Hoàn thành các câu hỏi với how many or how much. Chuyển thành danh từ số nhiều nếu cần.

1. How _____ does Mr. Miller have?

a. son -> *many sons*

d. car ->

b. child -> *many children*

e. stuff ->

c. work -> *much work*

f. experience ->

2. How _____ did you buy?

a. fruit ->

d. tomato ->



b. vegetable ->

e. orange ->

c. banana ->

f. food ->

3. How _____ did you have?

a. fun ->

d. information ->

b. help ->

e. fact ->

c. time ->

f. money ->



Exercise 18. Let's talk: interview. (Chart 11-5)

Complete the questions with *How much* or *How many*. Hoàn thành các câu hỏi sau với *How much* hoặc *How many*.

How much/How many ...

- _____ pages does this book have?
- _____ coffee do you drink every day?
- _____ cups of tea do you drink every day?
- _____ homework do you have to do tonight?
- _____ assignments have you had this week?
- _____ provinces does Canada have?
- _____ countries does Africa have?
- _____ snow does this area get in the winter?



Exercise 19. Looking at grammar. (Charts 11-1 - 11-5)

Complete the sentences with *a few* or *a little* and the given noun. Use the plural form of the noun as necessary. Hoàn thành các câu sau với *a few* hoặc *a little* và các danh từ đã cho. Sử dụng dạng số nhiều của danh từ nếu cần.

- music I feel like listening to *a little music* tonight.
- song We sang *a few songs* at the party.
- help Do you need _____ with that?
- pepper My grandfather doesn't use salt, but he always puts _____



on his eggs.

5. thing I need to pick up _____ at the store on my way home from work tonight.

6. apple I bought _____ at the store.*

7. fruit I bought _____ at the store.

8. advice I need _____.

9. money If I accept that job, I'll make _____ more _____.

10. friend _____ came by last night to visit us.

11. rain It looks like we might get _____ today. I think I'll take my umbrella with me.

12. French I can speak _____, but I don't know any Italian at all.

13. hour Ron's plane will arrive in _____ more _____.

**I bought a few apples.* = I bought a small number of apples.

I bought a little apple. = I bought one apple, and it was small, not large.



Exercise 20. Warm-up. (Chart 11-6)

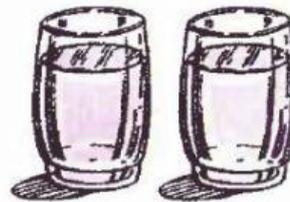
Match the sentences to the pictures. **Nối các câu với ảnh phù hợp.**



Picture A



Picture B



Picture C

1. Do you need one glass or two?

2. Your glasses fit nicely.

3. A: What happened?

B: Some neighborhood kids were playing baseball, and their ball went through the glass.

11-6 Nouns That Can Be Count or Noncount (Danh từ có thể đếm được và không đếm được)

Quite a few nouns can be used as either count or noncount nouns. Examples of both count and noncount usages for some common nouns follow

Khá nhiều danh từ có thể được sử dụng như danh từ đếm được hoặc không đếm được. Ví dụ cho cách sử dụng dạng đếm được và không đếm được cho một số danh từ thông dụng sau

Noun (Danh từ)	Used as a Noncount Noun (Sử dụng như danh từ không đếm được)	Used as a Count Noun (Sử dụng như danh từ đếm được)
glass	(a) Windows are made of glass .	(b) I drank a glass of water. (c) Janet wears glasses when she reads.
hair	(d) Rita has brown hair .	(e) There's a hair on my jacket.
iron	(f) Iron is a metal.	(g) I pressed my shirt with an iron .
light	(h) I opened the curtain to let in some light .	(i) Please turn off the lights (lamps) .
paper	(j) I need some paper to write a note.	(k) I wrote a paper for Professor Lee. (l) I bought a paper (a newspaper).
time	(m) How much time do you need to finish your work?	(n) How many times have you been to Mexico?
work	(o) I have some work to do tonight.	(p) That painting is a work of art.
coffee	(q) I had some coffee after dinner.	(r) Two coffees , please.
chicken/fish	(s) I ate some chicken/some fish .	(t) She drew a picture of a chicken/a fish .
experience	(u) I haven't had much experience with computers. (I don't have much knowledge or skill in using computers.)	(v) I had many interesting experiences on my trip. (Many interesting events happened to me on my trip.)

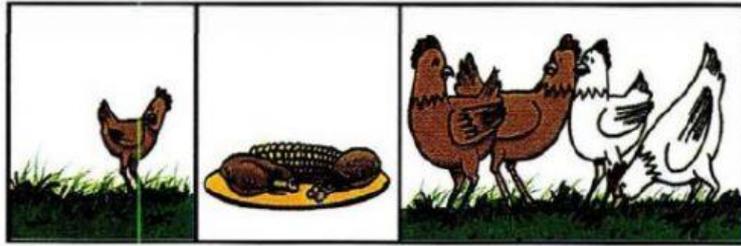
Exercise 21. Looking at grammar. (Chart 11-6)

Match the correct picture to each sentence. **Nối bức tranh đúng với từng câu sau.**

- That was a great meal. I ate a lot of chicken. Now I'm stuffed. _____
- Are you hungry? How about a little chicken for lunch? _____
- When I was a child, we raised a lot of chickens. _____
- I bought a few chickens so I can have fresh eggs. _____

5. There's a little chicken in your yard. _____

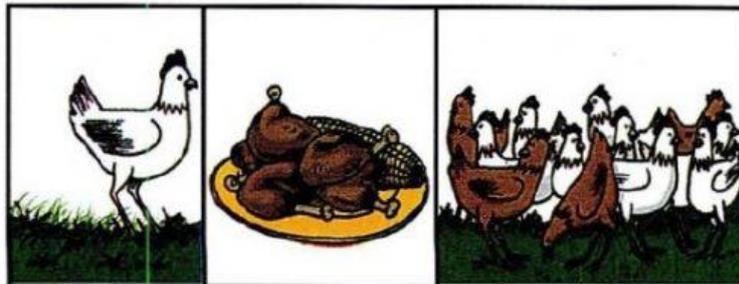
6. That's a big chicken over there. Who does it belong to? _____



Picture A

Picture B

Picture C



Picture D

Picture E

Picture F

"I'm selfish, impatient and a little insecure. I make mistakes, I am out of control and at times hard to handle. But if you can't handle me at my worst, then you sure as hell don't deserve me at my best." – Marilyn Monroe

Tôi ích kỷ, thiếu kiên nhẫn và đôi chút mong manh. Tôi thường sai lầm, mất kiểm soát và có những thời điểm tôi thấy khó điều khiển bản thân. Nhưng nếu bạn không thể quản lý được tôi những lúc xấu xa nhất đó, thì chắc chắn bạn cũng không xứng đáng với những điều tốt đẹp nhất của tôi.

